

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 6 - 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Huệ.

Ông Đào Việt Khải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2022/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175a/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Hữu N, sinh năm 1983 (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị B, sinh năm 1986 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã R, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/3/2022 cùng các văn bản khác kèm theo, nguyên đơn là ông Lê Hữu N trình bày:

- *Về hôn nhân:* Vào năm 2000, ông và bà Đỗ Thị B chung sống như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm

mà không thể tự hòa giải, hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với bà Đỗ Thị B.

- *Về con chung*: Có 02 người con chung tên Lê Minh K (giới tính nam), sinh năm 2003 và Lê Thị Kim Y (giới tính nữ), sinh ngày 09/11/2007. Hiện tại con chung đang sống cùng ông và bà Bích. Đối với Lê Minh K đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Khi ly hôn ông giao con là Lê Thị Kim Y nuôi, ông không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 20/5/2022, bị đơn là bà Đỗ Thị B trình bày:

- *Về hôn nhân*: Bà thống nhất phần trình bày của ông Lê Hữu N về thời gian chung sống và việc không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên bà đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Có 02 người đúng như ông Ngoan trình bày, bà đồng ý nhận nuôi con chung là Lê Thị Kim Y, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Bà thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng*: Ông Lê Hữu N yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bà Đỗ Thị B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Lê Hữu N, bà Đỗ Thị B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ điểm khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[2]. *Xét về hôn nhân*: Ông Lê Hữu N và bà Đỗ Thị B chung sống như vợ chồng vào năm 2000 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Ông Lê Hữu N và bà Đỗ Thị B cùng xác định quá trình chung sống cùng nhau thì vợ chồng không hòa thuận, không hạnh phúc. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt, mâu thuẫn trầm trọng nên ông Lê Hữu N và bà Đỗ Thị B cùng yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Do hôn nhân của các đương sự không phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, ông Lê Hữu N và bà Đỗ Thị B không được công nhận là vợ chồng.

[3]. *Về con chung*: Quá trình hòa giải, cả hai người thống nhất có 02 người tên là Lê Minh K (giới tính nam), sinh năm 2003 và Lê Thị Kim Y (giới tính nữ), sinh ngày 09/11/2007. Hiện Lê Minh K đã trưởng thành và có khả năng tự lao động sinh sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng Lê Thị Kim Y hiện đang chung sống cùng ông Lê Hữu N và bà Đỗ Thị B. Ông Lê Hữu N và bà Đỗ Thị B thống nhất thỏa thuận giao Lê Thị Kim Y cho bà Đỗ Thị B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, sự thỏa thuận phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận. Bà Đỗ Thị B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, ghi nhận sự tự nguyện của bà Đỗ Thị B về việc không yêu cầu ông Lê Hữu N cấp dưỡng nuôi con. Ông Lê Hữu N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4]. *Về tài sản chung*: Ông Lê Hữu N và bà Đỗ Thị B thống nhất tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét.

[5]. *Về nợ chung*: Ông Lê Hữu N và bà Đỗ Thị B thống nhất xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[6]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Ông Lê Hữu N phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 14, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Lê Hữu N và bà Đỗ Thị B là vợ chồng.

2. Về con chung, ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự như sau: Giao Lê Thị Kim Y (giới tính nữ), sinh ngày 09/11/2007 cho bà Đỗ Thị B chịu trách nhiệm tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi Lê Thị Kim Y đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống. Ông Lê Hữu N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đỗ Thị B về việc không yêu cầu ông Lê Hữu N cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Hữu N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lê Hữu N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Lê Hữu N đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017782, ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước